

JMRC九州ジムカーナ ジュニアシリーズ 成績表

順 位	B-Kクラス	所屬クラブ 3台以上 3戦以上	SR-1 2/25 CRMSC・ FMSC	SR-2 3/17 GRAVEL	SR-3 4/7 RASCAL・ FMSC	SR-4 4/28 T-XT	SR-5 5/19 RC熊本	SR-6 6/9 V	SR-7 6/30 RC-大分・ FMSC	SR-8 7/21 T-OM	SR-9 9/8 RTCR	SR-10 10/6 TOBIUME	獲得 合計	有効 点数 数
		(出走台数)	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台		
			不 成 立	不 成 立	不 成 立	不 成 立	不 成 立	不 成 立	不 成 立	不 成 立	不 成 立	不 成 立		不 成 立

JMRC九州ジムカーナ ジュニアシリーズ 成績表

順位	B-FF クラス	所属クラブ 3台以上 3戦以上 (出走台数)	SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	SR-10	獲得 合計	有効 点数 数
			2/25 CRM-C・ FMSC	3/17 GRAVEL	4/7 RASCAL・ FMSC	4/28 T-XT	5/19 RC熊本	6/9 V	6/30 RC-大分・ FMSC	7/21 T-OM	9/8 RTCR	10/6 TOBIUME		
			5台	6台	6台	7台	7台	4台	6台	6台	3台	6台		
1	竹村 吏駒	QUCC	15	12	15	20	20	20	20	-	-	20	142	130
2	工藤 徳人	QUCC	20	20	20	4	12	-	15	20	-	12	123	119
3	万田 周一郎	RASCAL	-	-	-	8	15	12	12	15	20	15	97	97
4	清水 和彦	C&C	12	8	10	12	8	15	10	12	12	-	99	83
5	石井 大雅	RC熊本	10	10	6	6	-	10	8	8	15	-	73	67
6	田中 健翔	QUCC	-	R	12	15	10	-	-	10	-	8	55	55
7	仲西 佑真	QUCC	-	15	8	10	6	-	-	-	-	10	49	49
8	芝 亮真	QUCC	8	-	-	-	-	-	-	-	-	6	14	14
9	笹栗 魁人	Keishikai	-	-	-	-	4	-	6	-	-	-	10	10
10	宮 裕明	AMS宮崎	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	6	6

JMRC九州ジムカーナ ジュニアシリーズ 成績表

[illegible]

JMRC九州ジムカーナ ジュニアシリーズ 成績表

[illegible]